



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		506,684,919,444	579,191,998,900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	932,737,060	7,473,717,883
1. Tiền	111		932,737,060	7,473,717,883
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		416,382,096,105	511,986,453,842
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	38,564,502,877	28,154,204,561
2. Trả trước cho người bán	132		8,780,050,034	32,641,288,576
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.4	371,850,501,657	454,003,919,168
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(2,812,958,463)	(2,812,958,463)
IV. Hàng tồn kho	140		84,488,523,273	59,272,837,816
1. Hàng tồn kho	141	V.6	84,488,523,273	59,272,837,816
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,881,563,006	458,989,359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	614,803,950	55,185,479
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		374,014,051	54,313,534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	176,745,341
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		3,892,745,005	172,745,005

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		240,065,585,056	240,996,826,907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		136,308,716	136,308,716
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	215	V.4	136,308,716	136,308,716
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,989,469,803	6,384,265,539
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3,204,980,952	4,272,863,955
<i>Nguyên giá</i>	222		15,068,571,922	15,068,571,922
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11,863,590,970)	(10,795,707,967)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	632,279,225	775,233,776
<i>Nguyên giá</i>	225		1,143,636,364	1,143,636,364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(511,357,139)	(368,402,588)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1,152,209,626	1,336,167,808
<i>Nguyên giá</i>	228		2,190,109,854	2,190,109,854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,037,900,228)	(853,942,046)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	3,105,268,869	3,148,041,168
<i>Nguyên giá</i>	231		3,421,783,900	3,421,783,900
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(316,515,031)	(273,742,732)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	708,991,300	524,644,700
Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng dở dang	242		708,991,300	524,644,700
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		230,330,000,000	230,330,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.3	230,330,000,000	230,330,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		795,546,368	473,566,784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	795,546,368	473,566,784
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		746,750,504,500	820,188,825,807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		193,912,190,933	303,879,433,161
I. Nợ ngắn hạn	310		125,511,301,182	229,061,420,873
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.17	37,937,627,169	178,335,165,640
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312	V.13	33,428,436,499	11,093,694,267
3. Người mua trả tiền trước	313		3,213,138,820	8,797,733,600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	2,005,985,977	72,909,116
5. Phải trả người lao động	315		1,008,477,623	552,582,957
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	175,000,000
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện	319	V.16	-	84,351,312
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	320	V.15	41,385,205,927	25,811,201,184
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	6,532,429,167	4,138,782,797
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		68,400,889,751	74,818,012,288
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	332	V.16	-	-
6. Phải trả dài hạn khác	336	V.15	30,000,000	30,000,000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.17	14,870,889,751	21,288,012,288
8. Trái phiếu chuyển đổi	338	V.18	53,500,000,000	-
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		552,838,313,567	516,309,392,646
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	552,838,313,567	516,309,392,646
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		493,286,910,000	493,286,910,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7,991,921,439	8,021,921,439
4. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	414		(8,060,000)	(8,060,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	417		15,870,177,454	13,476,531,085
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,749,810,076	6,356,163,707
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26,947,554,598	(4,824,073,585)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		746,750,504,500	820,188,825,807

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Bá Hùng

Nguyễn Thị Dương

Nguyễn Thị Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY ME

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2018		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95,614,219,947	88,455,238,225	239,174,505,112	215,501,033,857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95,614,219,947	88,455,238,225	239,174,505,112	215,501,033,857
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	90,253,767,480	84,677,077,419	221,894,948,158	206,176,992,854
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,360,452,467	3,778,160,806	17,279,556,954	9,324,041,003
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	625,692	564,265	52,707,507,139	52,919,684,338
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1,111,517,951	1,551,252,113	5,777,319,641	1,894,743,918
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>1,111,517,951</i>	<i>1,539,127,718</i>	<i>5,741,006,491</i>	<i>3,138,005,183</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	159,701,412	291,589,007	640,959,969	767,156,478
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	345,969,045	469,096,594	1,580,329,925	1,360,656,285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,743,889,751	1,466,787,357	61,988,454,558	58,221,168,660
11. Thu nhập khác	31	VI.6	13,938,000	2,353,987,825	65,489,455	2,418,484,119
12. Chi phí khác	32	VI.7	2,653,216	2,445,611,000	26,731,912	2,456,585,096
13. Lợi nhuận khác	40		11,284,784	(91,623,175)	38,757,543	(38,100,977)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,755,174,535	1,375,164,182	62,027,212,101	58,183,067,683

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Quý III/2018		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	697,952,079	-	2,558,720,300	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3,057,222,456	1,375,164,182	59,468,491,801	58,183,067,683

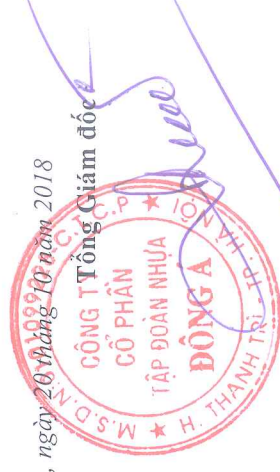
Người lập biểu

Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền Trang

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2018



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2018		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37,738,207,371	1,375,164,182	41,421,096,890	58,183,067,683
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao tài sản cố định	02		89,508,478	461,254,288	554,440,390	1,443,621,374
- Các khoản dự phòng	03		-	-	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-	9,749,556	(1,580,695,048)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(625,692)	(10,636,625)	(3,763,323)	(52,919,684,338)
- Chi phí lãi vay	06		1,111,517,951	1,539,127,718	3,809,420,346	3,138,005,183
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38,938,608,108	3,364,909,563	45,790,943,859	8,264,314,854
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		95,461,402,561	(24,046,139,168)	140,117,466,066	(143,509,848,718)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25,215,685,457)	(6,778,324,958)	(34,316,244,286)	(13,946,545,299)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37,614,784,610	9,099,939,073	70,150,505,969	70,962,592,507
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(559,618,471)	(150,968,068)	(464,579,720)	(220,704,048)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,111,517,951)	(1,539,127,718)	(3,809,420,346)	(3,138,005,183)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		450,060,000	-	450,060,000	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		145,578,033,400	(20,049,711,276)	1,572,542,571	(81,588,195,887)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		187,077,735	671,892,012	187,077,735	(937,481,300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27		625,692	1,792,522,400	1,363,042	1,792,522,400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	30		187,703,427	2,464,978,677	188,440,777	862,298,914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư						

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ quý III/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh	Quý III/2018		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	-	(2,280,000)
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	139,975,132,872	130,264,624,122	203,293,252,328	369,594,474,975
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(286,789,793,881)	(116,852,377,895)	(429,343,548,041)	(296,525,129,345)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(127,800,000)	(42,600,000)	(170,400,000)	(127,800,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	(8,679,524,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(146,942,461,009)	13,369,646,227	(226,220,695,713)	64,259,741,130
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1,176,724,182)	(4,215,086,372)	(6,540,980,823)	(16,466,155,843)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2,109,461,242	9,191,946,115	7,473,717,883	21,443,015,586
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	932,737,060	4,976,859,743	932,737,060	4,976,859,743

Người lập



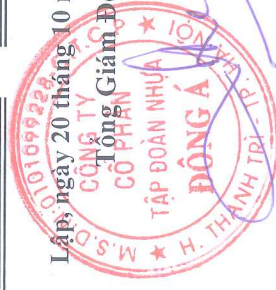
Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huyền Trang

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2018



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên thành 493.286.910.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi ba tỷ, hai trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm mười ngàn đồng chẵn) và vốn điều lệ thay đổi đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 13/02/2018.

Đến thời điểm 31/12/2017, tổng số cổ phần là: 49.328.691 cổ phần;

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Mã cổ phiếu: DAG

Sàn giao dịch: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Tái chế phế liệu; đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Cho thuê xe có động cơ; Khai thác muối;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Trụ sở Công ty: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
- Tel: (84-4) 3.689.1888 Fax: (84-4) 3.686.1616

4. Chu kỳ sản xuất thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

5. Cấu trúc Tập đoàn

Danh sách các công ty con:

- Số lượng công ty con: 3 công ty

1) Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam

Địa chỉ: Lô 1 - CN 5 Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại.

2) Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam

Vốn điều lệ: 159.330.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 159.330.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Lô số 36 KCN Tân Tạo, Đường Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 35.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính công ty mẹ này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính công ty mẹ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân

hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trong đó:

+ Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

+ Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

7.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phần mềm kế toán	4

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị giao dịch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với các hợp đồng thuê mặt bằng, trích trước chi phí phải trả tiền thuê nhà, tiền điện,... thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu lắp đặt hệ thống cửa và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

Đôi với doanh thu sản xuất và thương mại:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn), căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ lắp đặt được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**19.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ lắp đặt.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán công ty mẹ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Đơn vị tính: VND	
	30/09/2018	01/01/2018
Tiền mặt	357,484,252	180,310,268
Tiền gửi ngân hàng	575,252,808	7,293,484,162
Tổng cộng	932,737,060	7,473,794,430

2. Phải thu của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	30/09/2018	01/01/2018
Tổng Công ty xây dựng Hà Nội - CTCP	2,043,731,968	1,631,066,137
Công ty TNHH V&H Việt Nam	5,512,596,203	16,793,221,946
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hùng Phát	25,792,725,179	3,833,366,620
Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex- Dự án Chợ Mơ	1,562,831,454	1,762,831,454
Công ty CP Vimeco	1,002,337,892	
Các đối tượng khác	2,650,280,181	4,133,718,404
Tổng cộng	38,564,502,877	28,154,204,561

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	375,743,246,662		454,176,664,173	
Phải thu khác	371,850,501,657		454,003,919,168	
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính			64,381,820	
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (*)	103,387,915,814		187,317,190,650	
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam (*)	191,442,238,187		208,842,668,623	
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (*)	76,415,333,477		57,165,925,959	
Đối tượng khác	605,014,179		546,319,766	
Dư Nợ 3388			67,432,350	
Tạm ứng	0		0	
Nguyễn Bá Hùng (*)				
Các đối tượng khác				
Cầm cố ký cược ký quỹ	3,892,745,005		172,745,005	
b. Dài hạn	4,958,492,371		136,308,716	
Cầm cố ký cược ký quỹ				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3,720,000,000		95,401,386	
Đối tượng khác	1,238,492,371		40,907,330	
Tổng cộng	380,701,739,033	-	454,312,972,889	-

(*) Phải thu khác của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Smart Window, Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á là khoản Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á vay của các ngân hàng hộ các công ty con.

4. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty xây dựng Hà Nội			901,251,678	901,251,678
Chi nhánh Công ty CP xây dựng số 15	299,080,677	299,080,677	299,080,677	299,080,677
CN công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp- XN số 5	286,568,360	286,568,360	286,568,360	286,568,360

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex- Dự án Chợ Mơ	1,562,831,454	1,562,831,454	1,762,831,454	1,762,831,454
CN Xây lắp và Mộc nội thất- Công ty CP xây dựng Số 1 Hà Nội	540,964,459	432,771,567	540,964,459	432,771,567
Công ty CP thiết bị tự động hóa AMC	354,495,530	283,596,424	354,495,530	283,596,424
Các đối tượng khác				
Tổng cộng	3,043,940,480	2,864,848,482	4,145,192,158	3,966,100,160
5. Hàng tồn kho				<i>Đơn vị tính: VND</i>
	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	84,488,523,273		59,272,837,816	
Hàng gửi bán				
Tổng cộng	84,488,523,273	-	59,272,837,816	-
6. Tài sản dở dang dài hạn				<i>Đơn vị tính: VND</i>
			30/09/2018	01/01/2018
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>				
Xây dựng nhà xưởng			711,722,435	524,644,700
			711,722,435	524,644,700
7. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình				<i>Đơn vị tính: VND</i>
Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư ngày 01/01/2018	13,443,682,129	1,624,889,793	15,068,571,922	
Mua trong năm			0	
Thanh lý, nhượng bán			0	
Số dư ngày 30/09/2018	13,443,682,129	1,624,889,793	15,068,571,922	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư ngày 01/01/2018	9,441,089,891	1,354,618,076	10,795,707,967	
Khấu hao trong kỳ	4,002,592,238	270,271,717	4,272,863,955	
Thanh lý, nhượng bán	1,002,982,437	64,900,566	1,067,883,003	
Số dư ngày 30/09/2018	2,999,609,801	205,371,151	3,204,980,952	
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày 01/01/2018	4,002,592,238	270,271,717	4,272,863,955	
Tại ngày 30/09/2018	2,999,609,801	205,371,151	3,204,980,952	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

8. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư ngày 01/01/2018	1,143,636,364	1,143,636,364
Tăng do mua sắm		0
Thanh lý, nhượng bán		
Số dư ngày 30/09/2018	1,143,636,364	1,143,636,364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư ngày 01/01/2018	368,402,588	368,402,588
Khấu hao trong kỳ	142,954,551	142,954,551
Giảm do thanh lý		
Số dư ngày 30/09/2018	511,357,139	511,357,139
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01/2018	775,233,776	775,233,776
Tại ngày 30/09/2018	632,279,225	632,279,225

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư ngày 01/01/2018	2,190,109,854	2,190,109,854
Tăng do mua sắm		
Thanh lý, nhượng bán		
Số dư ngày 30/09/2018	2,190,109,854	2,190,109,854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư ngày 01/01/2018	853,942,046	853,942,046
Khấu hao trong kỳ	183,958,182	183,958,182
Giảm do thanh lý		
Số dư ngày 30/09/2018	1,037,900,228	1,037,900,228
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01/2018	1,336,167,808	1,336,167,808
Tại ngày 30/09/2018	1,152,209,626	1,152,209,626

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/09/2018
<i>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</i>				
Nguyên giá	5,214,306,300	-	-	5,214,306,300
Quyền sử dụng đất	5,214,306,300	-	-	5,214,306,300
Giá trị hao mòn lũy kế	293,659,648	-	-	293,659,648
Quyền sử dụng đất	293,659,648	-	-	293,659,648
Giá trị còn lại	4,920,646,652	-	-	4,920,646,652
Quyền sử dụng đất	4,920,646,652	-	-	4,920,646,652

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/03/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/03/2017 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tồn thất do suy giảm giá trị là chi phí khấu hao Bất động sản đầu tư từ những năm trước, Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

11. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Y&M International Corp	3,372,812,500	3,372,812,500		0
ShanDong Bepro Building Materials Co.,LTD	681,959,134	681,959,134		0
Hangzhou H.D.L NewMaterial	678,366,684	678,366,684	678,366,684	678,366,684
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Hiền Vinh	9,765,067,372	9,765,067,372		
Các đối tượng khác	18,930,230,809	18,930,230,809	1,641,443,187	1,641,443,187
Tổng cộng	33,428,436,499	33,428,436,499	2,319,809,871	2,319,809,871

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

a) Phải nộp	01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/09/2018
Thuế thu nhập doanh nghiệp		2,558,720,300	450,060,000	2,108,660,300
Thuế TNCN	72,909,116	18,247,733	17,085,831	74,071,018
Các khoản phí phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		18,274,228	18,274,228	0
Tổng cộng	72,909,116	2,595,242,261	485,420,059	2,182,731,318

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

b) Phải thu

	01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/09/2018
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1,376,654,580	1,376,654,580	-
Các khoản phí phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176,745,341		176,745,341	-
Tổng cộng	176,745,341	1,376,654,580	1,553,399,921	-

13. Phải trả khác

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	41,362,493,124	25,811,201,184
Kinh phí công đoàn;	208,371,446	183,970,156
Bảo hiểm xã hội; BHYT	90,998,881	88,128,232
Bảo hiểm thất nghiệp;	0	
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	41,063,122,797	25,539,102,796
b) Dài hạn	30,000,000	30,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30,000,000	30,000,000
Tổng cộng	41,392,493,124	25,841,201,184

14. Doanh thu chưa thực hiện

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018	01/01/2018
Cho thuê văn phòng		84,351,312
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Hà Nội		
Tổng cộng	-	84,351,312

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	36,000,000,000	36,000,000,000	-	36,000,000,000	36,000,000,000	
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	159,330,000,000	159,330,000,000	-	159,330,000,000	159,330,000,000	
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	35,000,000,000	33,936,344,523	1,063,655,477	35,000,000,000	33,547,648,967	1,452,351,033
Cộng	230,330,000,000	229,266,344,523	1,063,655,477	230,330,000,000	228,877,648,967	1,452,351,033

Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0104000990 ngày 16 tháng 03 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và thương mại.

Công ty TNHH Nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 060400001 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305056511 ngày 21/06/2007, chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

15. Vay và nợ thuế tài chính	Chỉ tiêu	30/09/2018		Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	01/01/2018		Đơn vị tính: VND
		Giá trị	Khả năng chi trả			Giá trị	Khả năng chi trả	
a) Vay ngắn hạn		37,937,627,169	37,937,627,169	131,233,255,415	271,630,793,887	178,335,165,641	178,335,165,641	
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (1)	-	-	-	17,689,273,552	17,689,273,552	17,689,273,552	
	NH TNHH MTV Shinhan VN (2)	-	-	-	-	-	-	
	NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	-	-	-	-	-	-	
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN_SGD (4)	-	-	53,211,845,576	92,003,762,677	38,791,917,101	38,791,917,101	
	Ngân hàng Standard Chartered (5)	8,974,172,534	8,974,172,534	8,974,172,534	23,107,133,771	23,107,133,771	23,107,133,771	
	NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN (6)	28,963,454,635	28,963,454,635	65,638,389,430	110,663,979,200	73,989,044,405	73,989,044,405	
	Ngân hàng TMCP công thương VN (7)	-	-	-	5,761,634,439	5,761,634,439	5,761,634,439	
	Ngân hàng Malaysian Banking berhad -Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (8)	-	-	3,408,847,875	22,405,010,248	18,996,162,373	18,996,162,373	
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn		68,370,889,751	-	8,741,877,457	15,158,999,994	74,788,012,288	74,788,012,288	
b1) Vay dài hạn		67,804,689,751	-	8,741,877,457	15,031,199,994	74,094,012,288	74,094,012,288	
	NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN (9)	67,552,456,393	-	8,741,877,457	14,580,000,000	73,390,578,936	73,390,578,936	
	Ngân hàng Seabank- CN Láng Hạ (10)	252,233,358	-	-	98,699,994	350,933,352	350,933,352	
	Ngân hàng TMCP công thương VN (11)	-	-	-	352,500,000	352,500,000	352,500,000	
b2) Nợ thuế tài chính dài hạn 1-5 năm		566,200,000	-	-	127,800,000	694,000,000	694,000,000	
	Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (12)	-	-	-	127,800,000	694,000,000	694,000,000	
	Cty cho thuê TCNHCTVN (13)	566,200,000	-	-	-	-	-	
Tổng cộng		106,308,516,920	37,937,627,169	139,975,132,872	286,789,793,881	253,123,177,929	253,123,177,929	
Nợ thuế tài chính		Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018		Từ 01/01/2017 đến 31/09/2017				
Thời hạn		Tổng thanh toán thuế TC	Trả lãi	Trả nợ gốc	Tổng thanh toán khoản thuế TC	Trả lãi	Trả nợ gốc	
	Từ 1 đến 5 năm	191,431,121	63,631,121	127,800,000	191,431,121	63,631,121	127,800,000	
Cộng		191,431,121	63,631,121	127,800,000	191,431,121	63,631,121	127,800,000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

(1) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/13113 ngày 05/8/2013 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất 9,5%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây truyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/13114 ngày 02/08/2013.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhanbank theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

(3) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 11032014/CMB/VPB-TĐNĐA/01 ngày 11/3/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác.

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1186228/NHUADONGA-VPBANK ngày 22/12/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục ngày 24/12/2015 về việc thay đổi thời hạn của hạn mức tín dụng. Thời hạn mới của hạn mức tín dụng: Tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/02/2016.

(4) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam theo các hợp đồng:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01.2017/HĐTDK/DAG ngày 16/11/2017; giá trị hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND; thời hạn cấp tín dụng đến ngày 12/11/2018; lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; mục đích vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Cấp tín dụng tín chấp trong trường hợp DAG còn dư nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm, tổng số dư cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sở giao dịch tối đa là 80 tỷ đồng. Tín dụng có tài sản đảm bảo: Trong trường hợp DAG đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 (theo tài liệu năm 2005) tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh..

(5) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Standard Charterbank

Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/082017-784 ngày 08/08/2017; giá trị hạn mức tín dụng 45 tỷ đồng; lãi suất theo khế ước nhận nợ từng lần; thời hạn cho vay từng lần tối đa là 6 tháng, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản; tài sản đảm bảo là các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-88 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, hàng hóa theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-89 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-87 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 37 tỷ đồng.

(6) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam _Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2017/7610660/HĐTD ngày 26/09/2017, giá trị hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng trong đó bao gồm cả dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2016/7610660/HĐTD ngày 06/07/2016, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2017, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn thành phố Phú Lý, Hà Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyển số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐTC ngày 30/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung giá trị 152,997 tỷ đồng; Xe ô tô Bentley - BKS 29A-398.88 và xe ô tô Fortuner BKS 29A-204.26 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 và các phụ lục sửa đổi bổ sung giá trị 4,1 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

(7) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam _ Chi nhánh Nam Thăng Long
Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 55/2016-HĐTDHM/NHCT140-DAG ngày 22/07/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/07/2017, lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng 6,5%/năm, mục đích vay để thanh toán các chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á.

(8) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Maybank

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HN/LO/2016/0042 ngày 14/11/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD được cấp tại Ngân hàng Maybank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Maybank Chi nhánh Hà Nội, lãi suất cho vay đối với LC 0,1%/ tháng, tối thiểu 25 USD, lãi suất cho vay tín thác có LC, cho vay tín thác theo DA/DP với tiền USD là chi phí cấp vốn + 1,5%/năm, với tiền VND là lãi suất cơ bản + 1,5%/năm, lãi suất cho vay thanh toán hóa đơn với USD là chi phí cấp vốn + 1,75%/năm, với VND lãi suất cơ bản + 1,75%/năm, thời hạn cho vay từng lần tối đa là 180 ngày, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản, tài sản đảm bảo là các khoản phải thu của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức, hàng tồn kho của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức.

Khoản vay dài hạn theo các hợp đồng sau:

(9) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam _ Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số 04/2016/7610660/HĐTD ngày 5/12/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 12.495.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay kỳ đầu là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, mục đích vay để đầu tư tài sản cố định gián tiếp - Xây dựng nhà kho, nhà xưởng, cải tạo nhà điều hành văn phòng tại KCN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.

(10) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTD ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

(11) Hợp đồng tín dụng số 84/2016-HĐTD/NHCT140-NHUADONGA ngày 22/09/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 600.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay để thanh toán tiền mua mới xe ô tô tải hiệu Hino Nhật Bản phục vụ hoạt động kinh doanh.

Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng sau:

(13) Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2016/TSC - CTTC ngày 19/01/2016 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về xe ô tô 7 chỗ biển số 30E30054 với thời hạn thuê 72 tháng. Tiền thuê được thanh toán đợt 1; 251.600.000 đồng, số còn lại sẽ thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 1.500.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2017	398,900,000,000	8,021,921,439	5,859,247,375	412,781,168,814
Tăng vốn trong năm	40,886,910,000		-40,892,870,000	-5,960,000
Tăng vốn từ chuyển đổi trái p	53,500,000,000			53,500,000,000
Phân phối lợi nhuận			59,088,881,784	59,088,881,784
Trích lập các quỹ			-7,945,367,244	-7,945,367,244
Giảm khác (*)			-20,942,025,500	-20,942,025,500
Số dư tại ngày 31/12/2017	493,286,910,000	8,021,921,439	-4,832,133,585	496,476,697,854
Tăng vốn trong kỳ này				
Lãi trong kỳ này			3,057,222,456	3,057,222,456
Phân phối lợi nhuận				0
Trích lập các quỹ			-31,152,416,697	-31,152,416,697
Giảm khác (*)				0
Số dư tại ngày 30/09/2018	493,286,910,000	8,021,921,439	-32,927,327,826	468,381,503,613

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	31/09/2018	01/01/2018
Nguyễn Bá Hùng		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	105,341,586,000	105,341,586,000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	132,655,740,000	132,655,740,000
Vốn góp của các cổ đông khác	255,289,584,000	255,289,584,000
Tổng cộng	493,286,910,000	493,286,910,000

(*): Theo Thông báo số 197/TB-SGDHCM ngày 28/02/2017 của Sở giao dịch chứng khoán TPHCM "Về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi đăng ký niêm yết"; Thông báo số 1301/TB-SGDHCM ngày 30/11/2017 của Sở giao dịch chứng khoán TPHCM "Về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết"; Công văn số 246/2017/CV-DAG ngày 28/12/2017 của Công ty về việc "Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu", trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn lên thành 493.286.910.000 đồng. Theo Công văn số 279/UBCK-QLCB ngày 12/1/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc "Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu của DAG", Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục về niêm yết/giao dịch bổ sung. Và vốn điều lệ thay đổi đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 13/02/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018	01/01/2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	398,900,000,000	398,900,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	94,386,910,000	94,386,910,000
Vốn góp cuối kỳ	493,286,910,000	493,286,910,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20,942,025,500	20,942,025,500

d) Cổ phiếu

	30/09/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49,328,691	49,328,691
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu phổ thông	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	806	806
- Cổ phiếu phổ thông	806	806
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49,327,885	49,327,885
- Cổ phiếu phổ thông	49,327,885	49,327,885
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)		
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2018	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	30/09/2018
Quỹ đầu tư phát triển	13,476,531,085	2,393,646,369		15,870,177,454
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6,356,163,707	2,393,646,369		8,749,810,076
Tổng cộng	19,832,694,792	4,787,292,738	-	24,619,987,530

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế, được đơn vị trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Quý III.2018	Quý III.2017
Doanh thu cho thuê văn phòng	95,399,884,201	78,751,221,511
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	214,335,746	219,145,114
Doanh thu bán hàng hóa		9,484,871,600
Tổng cộng	95,614,219,947	88,455,238,225

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Đơn vị tính: VND

	Quý III.2018	Quý III.2017
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán bị trả lại		
Tổng cộng	-	-

3. Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

	Quý III.2018	Quý III.2017
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt		9,484,871,600
Giá vốn bán hàng hóa	90,253,767,480	75,192,205,819
Tổng cộng	90,253,767,480	84,677,077,419

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Quý III.2018	Quý III.2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	625,692	564,265
Cổ tức lợi nhuận được chia		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Tổng cộng	625,692	564,265

5. Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

	Quý III.2018	Quý III.2017
Lãi tiền vay	1,111,517,951	1,539,127,718
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		12,124,395
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Tổng cộng	1,111,517,951	1,551,252,113

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

6. Thu nhập khác

Đơn vị tính: VND

Quý III.2018 Quý III.2017

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Các khoản khác

Tiền phạt nhân viên

Tổng cộng

	Quý III.2018	Quý III.2017
		2,301,457,830
	13,938,000	52,529,995
	13,938,000	2,353,987,825

7. Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

Quý III.2018

Quý III.2017

Chi phí từ thanh lý tài sản

Chi phí khác

Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực thuế

Tổng cộng

	Quý III.2018	Quý III.2017
		2,444,497,496
	2,653,216	1,113,504
	2,653,216	2,445,611,000

8. Chi phí bán hàng

Đơn vị tính: VND

Quý III.2018

Quý III.2017

Chi phí nhân viên

Chi phí vật liệu, bao bì

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí bảo hành

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Tổng cộng

	Quý III.2018	Quý III.2017
	67,222,500	54,795,079
	66,949,635	56,997,761
		120,340,017
	29,509,491	59,456,151
	163,681,626	291,589,008

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Quý III.2018

Quý III.2017

Chi phí nhân viên quản lý

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Tổng cộng

	Quý III.2018	Quý III.2017
	565,738,419	265,090,953
	15,876,466	23,149,129
	22,558,843	21,857,503
	2,975,646	
	334,971	19,964,967
	72,321,347	139,034,042
	679,805,692	469,096,594

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu

Đơn vị tính: VND

Quý III.2018

Quý III.2017

Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí bị loại trừ khi tính thuế

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết chuyển lỗ kỳ trước

	Quý III.2018	Quý III.2017
	95,614,219,947	90,809,790,315
	91,887,547,104	89,434,626,133
	3,726,672,843	1,375,164,182
		(1,375,164,182)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

20%

20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành

697,952,079

Các khoản điều chỉnh thuế năm trước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Đơn vị tính: VND	
	Quý III.2018	Quý III.2017
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	139,975,132,872	105,030,182,260
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	139,975,132,872	105,030,182,260
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	286,981,225,002	52,806,200,992
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	286,789,793,881	52,742,097,993
Tiền trả nợ thuê tài chính	191,431,121	64,102,999

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018 đã được lập bởi Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2018





Nguyễn Thị Dương

Nguyễn Thị Huyền Trang

Nguyễn Bá Hùng